TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** TỈNH ĐĂK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2019
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm

2. Bà Phạm Thị Đỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm 1966
- *Bị đơn:* Ông Hứa Văn H, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

(Bà T có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và tại bản tự khai nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Bà và ông Hứa Văn H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới vào năm 1992, nhưng không đăng kí kết hôn, lí do không đăng kí kết hôn là do ông bà là người dân tộc nên không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Thôn 10, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mẫu thuẫn là do vấn đề làm ăn kinh tế, tiền bạc. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Hải.

Tại bản tự khai bị đơn ông Hứa Văn H trình bày:

Ông thừa nhận về thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, quá trình sống chung không đăng ký kết hôn đúng như lời bà T trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Thôn 10, xã Tâm T, huyện C, tỉnh Đ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, ông mong muốn bà T tiếp tục sống chung nhưng bà T không đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý thống nhất với ý kiến của bà T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: Ông H và bà T xác định có 03 con chung tên Hứa Thị Ngọc M, sinh năm 1993; Hứa Văn H, sinh năm 1996 và Hứa Thị Ngọc D, sinh năm 1998. Vì các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hứa Văn H và bà Lâm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Hải. Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cư J, tỉnh Đăk N phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hứa Văn H và bà Lâm Thị T.

Về con chung: Do con chung Hứa Thị Ngọc M, Hứa Văn H, Hứa Thị Ngọc D đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Hải và bà Thất chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng", bị đơn ông Hứa Văn H đang cư trú tại Thôn 10, xã Tâm T,

huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ theo qui định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà Lâm Thị T là nguyên đơn, ông Hứa Văn H là bị đơn hoàn toàn phù hợp theo đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Hứa Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hứa Văn H và bà Lâm Thị T chung sống với nhau từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H, về phía ông H cũng đồng ý. Do ông H và bà T chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm đã không còn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà T.

- *Về con chung*: Ông H và bà T cùng xác nhận có 03 con chung là Hứa Thị Ngọc M, Hứa Văn H, Hứa Thị Ngọc D, vì các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung* và nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Thất phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 267, Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9,14,53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hứa Văn H và bà Lâm Thị T.

Về con chung: Vì các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Thất đã nộp theo Biên lai thu số 0002410 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút*;
- *CCTHADS Huyện Cư Jút*;
- *UBND xã Tâm Thắng;*
- Lưu VP, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh